

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 4 năm 2020

V/v: " *Ly hôn, tranh chấp về
chia tài sản khi ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Lương Ngọc Biên

2, Ông Đào Xuân Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên
tòa:** Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ông Hà Công Ngoan C (tên gọi khác Hà Công Ng), sinh năm: 1954

Địa chỉ: Tổ dân phố Trg, Thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ **Bị đơn:** Bà Vũ Thị Th (tên gọi khác Vũ Thị Hồng Th), sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Tổ dân phố Tr, Thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Hà Thị Th, sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm G, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1977

3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố Tr, Thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Bà H có mặt; ông T vắng mặt)

+ **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp** của bà Th: Ông Trần Công Th - Luật sư, Văn phòng luật sư V, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 14/27, Khu B, Tổ dân phố 5, phường Th, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2019, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa ông Hà Công Ngoan C trình bày:***

Ông và bà Th kết hôn năm 1980, lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn, đăng ký tại UBND xã Ph, huyện K, tỉnh H, đây là quê hương của bà Th. Hiện nay đăng ký kết hôn bị mất, ông có về UBND xã Ph để xin lại giấy chứng nhận kết hôn nhưng UBND xã không lưu giữ sổ sách vì vậy không cấp được cho ông. Sau khi kết hôn hai vợ chồng thuê nhà ở riêng không ở chung cùng với gia đình nhà vợ.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 1983 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà Th không muốn về ở cùng với bố mẹ ông. Cùng năm 1983, ông và cháu lớn là Hà Thị Th về ở cùng với bố mẹ ông tại Tổ dân phố Tr, Thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Còn bà Th và cháu thứ hai ở tại H.

Cuối năm 1983, ông đi nước ngoài đến năm 1991 ông về nước. Trong thời gian ông đi nước ngoài bà Th không về ở cùng với bố mẹ ông. Năm 1989 ông về phép được ba tháng, vợ chồng có mua đất xây nhà ở xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Năm 1991, ông đi nước ngoài về ông có về ở cùng bà Th tại nhà đất ở xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Dương, ở được 9 ngày, do có nhiều người đến đòi nợ, trong khi đó bà Th đi trốn nợ không có nhà. Sau đó ông và bà Th cùng về Thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang thuê nhà ở riêng không ở chung cùng bố mẹ ông. Thuê nhà ở được hai năm, đến năm 1993 vợ chồng mua đất tại Tổ dân phố Tr, Thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang ở riêng.

Tháng 8 năm 2006, ông có vi phạm pháp luật đi chấp hành án tại Trại Giam N, thời hạn tù 12 năm, cải tạo được 8 năm 6 tháng ông được ra trại. Đầu năm 2015, ông chấp hành án xong, ông về nhà chung sống cùng với mẹ con bà

Th. Trong thời gian ông đi chấp hành án, bà Th đã bán nhà đất vợ chồng mua và mua đất xây nhà khác. Trong thời gian ông chấp hành án bà Th không tiếp tế hỏi han gì, bà Th bán nhà đất của vợ chồng cũng không nói gì với ông.

Cuối năm 2015, ông đi làm bảo vệ khu công nghiệp V, ông thuê nhà ở V đến năm 2019 không làm bảo vệ ở khu công nghiệp V nữa. Hiện nay ông đang làm bảo vệ ở Kh, tỉnh Hưng Yên.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Th.

+ Về con chung: Ông và bà Th có hai con chung là cháu Hà Thị Th, sinh năm 1981, cháu Hà Thị H, sinh năm 1982 hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có những tài sản chung như sau: Hiện tại vợ chồng chỉ còn nhà đất tại Tổ dân phố Tr, Thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, diện tích là 394 m², trên đất có nhà ba gian mái bằng. Hiện tại nhà đất này bà Th đang quản lý sử dụng, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng ông. Ông yêu cầu chia đôi mỗi người một nửa, ông yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ đất vì hiện tại ông không có chỗ ở. Nguồn gốc nhà đất này là bà Th bán nhà vợ chồng mua năm 1993 ở Tổ dân phố Tr, Thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đối với diện tích đất 389 m², tại tờ bản đồ số 2, thửa số 131, địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố Tr, Thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, năm 1999 bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007 bà Th tự ý bán cho chị H và anh T. Đối với diện tích đất này, lúc đầu ông yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Th và vợ chồng T - H để trả lại đất cho ông. Nhưng nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này ông có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác sau.

Ngoài ra vợ chồng ông không có tài sản chung gì khác

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông C trình bày: Ông xác định ông và bà Th có đăng ký kết hôn, đăng ký tại UBND xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) năm 1980. Nay ông xác định giữa ông và bà Th không còn tình cảm vợ chồng, hai bên không còn quan tâm đến nhau, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Th. Ông không yêu cầu giải quyết về con chung, ông rút yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 294, tờ bản đồ số 2, diện tích 394 m², toàn bộ tài sản gắn liền với đất, địa chỉ thửa đất tại Thôn Tr, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang và rút yêu cầu hủy hợp đồng chuyển

nhượng đất giữa bà Th và ông T, bà H đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 02, diện tích 389 m2, địa chỉ thửa đất tại Thôn Tr, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Việc ông rút một phần yêu cầu là tự nguyện, không bị ép buộc.

*** Tại bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Vũ Thị Th trình bày:** Bà và ông C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Dương năm 1980. Sau khi cưới hai vợ chồng bà ở tại khu tập thể cơ quan bà tại huyện K, tỉnh Hải Dương. Năm 1991, hai vợ chồng về ở nhờ tại Bệnh viện T, huyện Yên Dũng. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn vì đã ly thân nhau lâu rồi, nay ông C xin ly hôn bà cũng đồng ý.

+ Về con chung: Bà và ông C có hai con chung là Hà Thị Th, sinh năm 1981, cháu Hà Thị H, sinh năm 1982 hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng không có tài sản chung gì

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Nợ rất nhiều người, bà đã trả nợ xong

Tại phiên tòa bà Th trình bày: Bà và ông Ng (C) có đăng ký kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương), bà chỉ còn giấy công nhận kết hôn bản photo, bản gốc bà không còn. Theo như giấy công nhận kết hôn thì bà và ông Ng (C) kết hôn ngày 27 tháng 9 năm 1980, trước khi lấy nhau được tự do tìm hiểu, lấy nhau là tự nguyện, không bị ép buộc, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Sau khi kết hôn bà và ông Ng (C) sinh sống tại khu tập thể Th, thuộc xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương). Đến năm 1986, bố mẹ đẻ bà cho đất tại thôn L, xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) bà làm nhà và ở đến năm 1991 thì bà về quê ông Ng (C) sinh sống, thời gian đầu về quê ông Ng (C) sinh sống, hai vợ chồng ở riêng một thời gian sau đó thì bà về chung sống cùng với bố mẹ đẻ ông Ng (C). Ông C đi chấp hành án ở đâu bà không biết, từ năm 1996 đến đầu năm 2015 ông C không có mặt tại địa phương. Ngày 30/01/2015, ông C về địa phương có chung sống với bà khoảng ba tháng, sau đó ông đi đâu làm gì và hiện tại ở đâu bà không rõ. Nay ông C làm đơn xin ly hôn bà nhất trí. Bà không có ý kiến gì về việc ông C rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và rút yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà với bà H, ông T. Bà có làm đơn phản tố yêu cầu ông C phải trả cho bà số tiền 279.050.000 đồng, Tòa án chưa thụ lý yêu cầu của bà nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn phản tố bà đã nộp. Bà không yêu cầu Tòa án xem xét đối với đơn tố cáo của bà về việc tố cáo ông Ng (C) vi phạm chế độ một vợ một chồng.

*** Tại biên bản đối chất ngày 13 tháng 6 năm 2019 và tại phiên tòa chỉ Hà Thị Th trình bày:** Nhà đất hiện mẹ chị là bà Th đang ở là do chị mua, nhưng vẫn mang tên mẹ chị. Tại phiên tòa hôm nay chị không có yêu cầu gì.

* Đối với bà Lê Thị H và ông Trần Văn T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ tài liệu nhưng bà H, ông T không đến Tòa án để viết bản tự khai và trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay bà H trình bày: Bà không có ý kiến gì về việc ông Ng (C) rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và vì ông Ng (C) đã rút yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà Th đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà, nên bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

*** Quá trình giải quyết vụ án ông C có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 02, diện tích 394 m² tại tổ dân phố Tr, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang: Kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 04/12/2019 cụ thể như sau:**

1.1. Tổng diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 294, diện tích 394 m², có giá là 1.000.000 đồng/1m

- Trên đất có:

+ 01 ngôi nhà cấp 3 loại 3, diện tích $6,5 \times 7,5 = 48,7$ m²

+ 01 nhà bếp loại a có diện tích $3 \times 3,5$ m = 10,5 m

Tổng giá trị tài sản trên đất là 55.000.000 đồng

1.2. Giá trị tài sản bà H, ông T đang quản lý sử dụng gồm 389 m², tại thửa đất số 131, tờ bản đồ số 02 có giá là 750.000 đồng/1m². Trên đất có ngôi nhà cấp 3 loại 2 có diện tích $8,4 \times 7,2 = 60,48$ m² và 01 nhà bếp có diện tích $3,5 \times 4,5 = 15,75$ m² có tường bao, có tổng trị giá tài sản trên đất là 150.000.000 đồng.

+ Ngày 23/3/2020, Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn là bà Vũ Thị Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị Th và ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa.

+ Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án có công khai những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, các đương sự có mặt không ai có ý kiến gì.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tại phiên tòa hôm nay ông Ng (C) rút yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Th và bà H, ông T, ông không có ý kiến gì. Ông Ng (C) yêu cầu ly hôn, bà Th cũng đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Ng (C) và bà Th.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán còn một số thiếu sót về tố tụng như chưa có biên bản giao thông báo thụ lý vụ án ngày 13/6/2019 và ngày 11/11/2019 cho Viện kiểm sát và đương sự, chưa có biên bản giải thích quyền trợ giúp pháp lý cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Th cơ bản tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H, ông T chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Công Ngoan C (Hà Công Ng), đề nghị Hội đồng xét xử xử: Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hà Công Ngoan C (Hà Công Ng) và bà Vũ Thị Th (Vũ Thị Hồng Th); Về nuôi con chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản của ông C. Về án phí và chi phí tố tụng: Ông C phải chịu theo quy định của pháp luật, nhưng ông C là người cao tuổi, nên được miễn án phí.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa sai phạm: Đề nghị khắc phục những thiếu sót như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử vắng mặt ông Tuấn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Theo như giấy công nhận kết hôn bản (photo) bà Thúy cung cấp cũng như tại phiên tòa ông Hà Công Ngoan C (Hà Công Ng) và bà Vũ Thị Th (Vũ Thị Hồng Th) đều thừa nhận ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) ngày 27 tháng 9 năm 1980 theo như giấy công nhận kết hôn bản (photo) có trong hồ sơ là đúng. Ông Hà Công Ngoan C (Hà Công Ng) và bà Vũ Thị Th (Vũ Thị Hồng Th) đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) và được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) cấp giấy công nhận kết hôn ngày 27 tháng 9 năm 1980. Hôn nhân giữa ông Hà Công Ngoan C (Hà Công Ng) và bà Vũ Thị Th (Vũ Thị Hồng Th) tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cuộc sống vợ chồng: Ông Hà Công Ngoan C (Hà Công Ng) và bà Vũ Thị Th (Vũ Thị Hồng Th) đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông C (Ng) vẫn kiên quyết xin ly hôn bà Th, bà Th cũng đồng ý ly hôn chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hà Công Ngoan C (Hà Công Ng) và bà Vũ Thị Th (Vũ Thị Hồng Th) là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông Hà Công Ngoan C (Hà Công Ng) và bà Vũ Thị Th (Vũ Thị Hồng Th) có hai con chung là Hà Thị Th, sinh năm 1981 và Hà Thị H, sinh năm 1982 hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét

[3]. Về tài sản chung: ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 294, tờ bản đồ số 2, diện tích 394 m², toàn bộ tài sản gắn liền với đất, địa chỉ thửa đất tại Thôn Tr, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Th và ông T, bà H đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 02, diện tích 389 m², địa chỉ thửa đất tại Thôn Tr, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang là tự nguyện. Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến và yêu cầu gì. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc rút yêu cầu của ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) và đình chỉ đối với yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự .

[4]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng

dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) là người cao tuổi, do vậy ông C được miễn toàn bộ án phí là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền 2.400.000 đồng, ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) đã nộp để chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tại phiên tòa ông Crút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và rút yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Th và ông T, bà H. Do vậy, ông C phải chịu tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 157 và khoản 4 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7]. Đối với đơn yêu cầu của bà Vũ Thị Th buộc ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) phải trả số tiền 279.050.000 đồng thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay bà Th không đề nghị xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của bà Th. Nếu sau này bà Th có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8]. Đối với đơn tố cáo của bà Th gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang về việc tố cáo ông C vi phạm chế độ một vợ một chồng, tại phiên tòa bà Th không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đối với đơn tố cáo của bà Th.

[9]. Đối với kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát thì thấy: Những thiếu sót đại diện Viện kiểm sát kiến nghị không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án, do vậy Hội đồng xét xử khắc phục, bổ sung những tài liệu đã giao chưa được lưu vào hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 157; Điều 165; Điều 217; Điều 218; Điều 219; khoản 2 Điều 244; Điều 227; Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) và bà Vũ Thị Th (tức bà Vũ Thị Hồng Th).

2.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 294, tờ bản đồ số 2, diện tích 394 m², toàn bộ tài sản gắn liền với đất, địa chỉ thửa đất tại Thôn Tr, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang của ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) đối với bà Vũ Thị Th (tức bà Vũ Thị Hồng Th)

2.3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Th và ông T, bà H đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ số 02, diện tích 389 m², địa chỉ thửa đất tại Thôn Tr, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang của ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) đối với bà Lê Thị H và ông Trần Văn T.

2.4 Về án phí: ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) được miễn toàn bộ án phí

2.5. Trả lại ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002796 ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

2.6. Về chi phí tố tụng: ông Hà Công Ngoan C (tức Hà Công Ng) phải chịu 2.400.000 đồng chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông C (Ng) đã thi hành xong

2.7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- CCTHADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Dương.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo